

Luật số: /2022/QH15

DỰ THẢO**LUẬT****SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU
CỦA LUẬT TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số/2022/QH15.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện**1. Sửa đổi, bổ sung điểm c và điểm h khoản 2 Điều 5 như sau:**

“c) Cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, cấp lại giấy phép sử dụng băng tần, đình chỉ có thời hạn một phần quyền sử dụng tần số vô tuyến điện; quản lý lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, phí sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí;

h) Bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ vô tuyến điện; quản lý việc đào tạo và cấp Chứng chỉ vô tuyến điện viên;”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 như sau:

“2. Sử dụng tần số vô tuyến điện dành riêng cho mục đích cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, quốc phòng, an ninh vào mục đích khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 45 của Luật này.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1, bổ sung khoản 4 sau khoản 3 Điều 11 như sau:**a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:**

“b) Quy hoạch băng tần là quy hoạch phân chia băng tần thành một hoặc nhiều khối băng tần cho một loại hệ thống thông tin vô tuyến điện và quy định việc phân bổ băng tần đó cho một hoặc nhiều tổ chức sử dụng theo những điều kiện cụ thể.

Đối với băng tần được quy hoạch cho hệ thống thông tin di động mặt đất công cộng thì việc phân bổ bao gồm giới hạn tổng độ rộng băng tần mà một tổ chức được cấp phép sử dụng trong băng tần được quy hoạch hoặc trong nhóm băng tần nhất định.”

b) Bổ sung khoản 4 sau khoản 3 như sau:

“4. Các trường hợp sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện không thuộc phạm vi điều chỉnh của các loại quy hoạch tần số vô tuyến điện:

a) Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện trong không gian, thời gian nhất định bao gồm sử dụng trong các sự kiện đặc biệt được Thủ tướng Chính phủ cho phép hoặc sử dụng cho mục đích triển lãm, đo kiểm, nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ mới;

b) Tổ chức, cá nhân sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện trong các trường hợp quy định tại điểm a khoản này phải ngừng sử dụng khi gây nhiễu có hại cho các thiết bị vô tuyến điện được phép sử dụng theo quy hoạch hoặc khi không bảo đảm an toàn bức xạ vô tuyến điện.

c) Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét cho phép từng trường hợp cụ thể về đối tượng, không gian, thời gian được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện quy định tại điểm a khoản 4 Điều này và có các biện pháp để kiểm soát tránh gây nhiễu có hại cho các hệ thống khác.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 16 như sau:

“4. Chính phủ quy định chi tiết thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cấp lại giấy phép sử dụng băng tần.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. Phương thức cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện

1. Phương thức cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện được quy định như sau:

a) Cấp giấy phép trực tiếp trên cơ sở xem xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép theo nguyên tắc tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định trước được xét cấp trước;

b) Cấp giấy phép thông qua thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện trên cơ sở đánh giá hồ sơ thi tuyển, theo những tiêu chí cơ bản về năng lực tài chính, đầu tư, năng lực kỹ thuật nghiệp vụ, năng lực kinh doanh, nguồn nhân lực;

c) Cấp giấy phép thông qua đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện trên cơ sở đánh giá hồ sơ đấu giá theo những tiêu chí về năng lực tài chính, đầu tư và mức trả giá của tổ chức.

2. Phương thức cấp phép thông qua đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện có thể áp dụng đối với:

a) Băng tần có giá trị thương mại cao, bao gồm nhưng không giới hạn băng tần để thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất;

b) Kênh tần số có giá trị thương mại cao và có nhu cầu vượt quá khả năng phân bổ xác định trong quy hoạch tần số vô tuyến điện.

3. Ưu tiên áp dụng phương thức đấu giá, chỉ thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần, kênh tần số quy định tại khoản 2 Điều này khi

cần phủ sóng công nghệ mới trên diện rộng trong một khoảng thời gian nhất định hoặc khi cần có yếu tố mới thúc đẩy cạnh tranh cho hoạt động viễn thông.

4. Phương thức đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện không áp dụng đối với băng tần, kênh tần số quy định tại khoản 2 Điều này trong trường hợp sử dụng cho mục đích thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông hoặc băng tần, kênh tần số được cấp lại theo quy định tại Điều 20a của Luật này.

5. Bộ Thông tin và Truyền thông công bố băng tần, kênh tần số quy định tại khoản 2 Điều này được đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện trong từng thời kỳ. ”.

6. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm, khoản của Điều 19 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b, c, d khoản 2 Điều 19 như sau:

“b) Có giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông;

c) Có giấy phép hoạt động báo chí hoặc được quyền phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình theo quy định của pháp luật;

d) Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện hoặc có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 11 của Luật này;”;

b) Bãi bỏ khoản 3 Điều 19.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Cấp giấy phép sử dụng băng tần

1. Đối tượng được cấp giấy phép là tổ chức hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

2. Điều kiện để được cấp trực tiếp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện: có đủ các điều kiện quy định tại các điểm a, b, d, đ và e khoản 2 Điều 19 của Luật này.

3. Điều kiện để được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần theo quy định tại Điều 20a của Luật này.

4. Điều kiện để được cấp giấy phép thông qua đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến bao gồm:

a) Trúng đấu giá trong đấu giá hoặc trúng tuyển trong thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện;

b) Có giấy phép thiết lập mạng viễn thông sử dụng băng tần, kênh tần số trúng đấu giá, trúng thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.

5. Điều kiện được tham gia đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện bao gồm:

a) Có đủ các điều kiện quy định tại các điểm a, d, đ và e khoản 2 Điều 19 của Luật này;

b) Có đủ điều kiện được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông sử dụng băng tần, kênh tần số tương ứng với băng tần, kênh tần số được đấu giá, thi tuyển theo quy định của pháp luật về viễn thông;

c) Đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính trước đó về viễn thông, tần số vô tuyến điện;

d) Có cam kết triển khai mạng viễn thông theo quy định tại khoản 6 Điều này.

6. Cam kết triển khai mạng viễn thông được quy định như sau:

a) Tổ chức được cấp giấy phép sử dụng băng tần thông qua đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần phải cam kết triển khai mạng viễn thông theo tiến độ quy định và nộp tiền bảo đảm thực hiện cam kết này thông qua bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;

b) Cam kết triển khai mạng viễn thông gồm một hoặc một số nội dung về: tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới; thời điểm chính thức cung cấp dịch vụ tính từ thời điểm cấp phép; số lượng trạm phát sóng vô tuyến điện phải triển khai; vùng phủ sóng theo dân số hoặc theo khu vực địa lý; chất lượng dịch vụ viễn thông; chuyển vùng dịch vụ viễn thông;

c) Tổ chức được cấp phép thông qua hình thức đấu giá, thi tuyển, cấp lại vi phạm cam kết triển khai mạng viễn thông tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị đình chỉ có thời hạn một phần quyền sử dụng tần số vô tuyến điện trong giấy phép sử dụng băng tần đã được cấp hoặc thu hồi giấy phép sử dụng băng tần nếu không khắc phục hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Trong trường hợp này, Nhà nước không có trách nhiệm hoàn trả các khoản tài chính tổ chức, doanh nghiệp đã nộp khi cấp phép.

7. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về cam kết triển khai mạng viễn thông theo từng cuộc đấu giá, thi tuyển đối với việc cấp phép quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 18 của Luật này.

8. Chính phủ quy định chi tiết về đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện; quy định chi tiết việc đình chỉ có thời hạn một phần quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, tiền bảo đảm thực hiện cam kết triển khai mạng viễn thông.”.

8. Bổ sung Điều 20a vào sau Điều 20 như sau:

“Điều 20a. Cấp lại giấy phép sử dụng băng tần

1. Trong thời hạn 3 năm trước ngày giấy phép sử dụng băng tần hết hạn, tổ chức có nhu cầu được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần phải có văn bản gửi Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị xem xét được cấp lại giấy phép.

2. Căn cứ vào định hướng quy hoạch tần số vô tuyến điện, hiệu quả sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần, kênh tần số đã được cấp và việc tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, tần số vô tuyến điện, trong thời

hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xem xét được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần của tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo bằng văn bản về việc tổ chức đó có hay không thuộc diện được xem xét cấp lại giấy phép.

3. Trong thời hạn 6 tháng trước ngày giấy phép sử dụng băng tần hết hạn, tổ chức phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép băng tần. Tổ chức được cấp lại giấy phép băng tần khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có đủ các điều kiện quy định tại các điểm a, b, d, đ và e khoản 2 Điều 19 của Luật này;

b) Sử dụng có hiệu quả băng tần, kênh tần số đã cấp;

c) Thực hiện đầy đủ cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần, kênh tần số đã được cấp;

d) Hoàn thành các nghĩa vụ tài chính trước đó về viễn thông, tần số vô tuyến điện;

đ) Nộp đúng, đủ, kịp thời tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần, kênh tần số được cấp lại theo quy định của pháp luật;

e) Có cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần, kênh tần số được cấp lại theo quy định tại khoản 6 Điều 20 của Luật này

4. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về hiệu quả sử dụng băng tần, kênh tần số.

5. Giấy phép sử dụng băng tần được cấp lại có thời hạn tối đa là 15 năm, được tính là cấp lần đầu và được xem xét gia hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Luật này.

6. Không cấp lại giấy phép sử dụng băng tần đối với băng tần, kênh tần số được cấp cho mục đích thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông.”.

9. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 23 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung các điểm đ, e và g khoản 1 như sau:

“đ) Không nộp đúng, đủ, kịp thời phí sử dụng tần số vô tuyến điện, tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

e) Không triển khai trên thực tế các nội dung quy định của giấy phép sau thời hạn hai năm, kể từ ngày được cấp giấy phép, trừ trường hợp quy định tại điểm h khoản này;

g) Khi giấy phép viễn thông, giấy phép hoạt động báo chí hoặc quyền phát sóng phát thanh, truyền hình tương ứng bị thu hồi;”;

b) Bổ sung điểm h vào khoản 1 như sau:

“h) Không khắc phục vi phạm về cam kết triển khai mạng viễn thông trong thời hạn bị đình chỉ một phần quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Sau thời hạn một năm, kể từ ngày bị thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều này nhưng chưa đến mức bị xử lý về hình sự, nếu đã khắc phục được hậu quả và có đủ điều kiện để được cấp giấy phép theo quy định của Luật này thì tổ chức, cá nhân được xét cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện.”;

d) Bổ sung khoản 3 sau khoản 2 như sau:

“3. Tổ chức, cá nhân bị thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện không được hoàn trả tiền phí sử dụng tần số vô tuyến điện và tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.”.

10. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 24 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

“c) Tổ chức nhận quyền sử dụng tần số vô tuyến điện phải có đủ điều kiện được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông phù hợp với băng tần, kênh tần số nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về viễn thông, điều kiện cấp giấy phép quy định tại các điểm a, d, đ và e khoản 2 Điều 19 của Luật này và phải kế thừa đầy đủ các nghĩa vụ của tổ chức chuyển nhượng với điều kiện bảo đảm tổng độ rộng băng tần tổ chức đó được phép sử dụng sau khi nhận chuyển nhượng không vượt quá giới hạn tổng độ rộng băng tần mà một tổ chức được phép sử dụng quy định tại quy hoạch băng tần.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Chính phủ quy định chi tiết về chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.”.

11. Sửa đổi tên Điều 31 và sửa đổi, bổ sung Điều 31 như sau:

“Điều 31. Nguồn thu ngân sách nhà nước từ cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện

1. Phí, lệ phí theo quy định của pháp luật: Tổ chức, cá nhân sử dụng tần số vô tuyến điện phải nộp phí sử dụng tần số vô tuyến điện, lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện.

Mức thu phí được xác định theo quy định của Luật Phí và lệ phí trên cơ sở mức độ chiếm dụng phổ tần số vô tuyến điện; phạm vi phủ sóng; mức độ sử dụng tần số trong băng tần và địa bàn sử dụng tần số vô tuyến điện.

2. Tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện: Tổ chức được cấp, gia hạn, cấp lại giấy phép sử dụng băng tần đối với băng tần, kênh tần số quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này phải nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, trừ trường hợp được cấp, gia hạn giấy phép sử dụng băng tần để thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông.

3. Tổ chức, doanh nghiệp quốc phòng, an ninh sử dụng tần số vô tuyến điện cho mục đích quốc phòng, an ninh kết hợp với phát triển kinh tế xã hội theo quy định tại khoản 4 Điều 45 của Luật này có nghĩa vụ nộp phí, lệ phí, tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với lượng tần số vô tuyến điện sử dụng cho phát triển kinh tế xã hội trong băng tần phân bổ cho mục đích quốc phòng, an ninh.

4. Chính phủ quy định cụ thể mức thu, phương thức thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 32 như sau:

“1. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng hải, di động hàng không, vô tuyến điện nghiệp dư phải có Chứng chỉ vô tuyến điện viên, trừ trường hợp đã có chứng chỉ tương đương theo quy định Luật chuyên ngành hoặc cam kết quốc tế có quy định khác.

2. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, thủ tục công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, tổ chức thi, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên; quy định các loại chứng chỉ vô tuyến điện viên, đối tượng, điều kiện, thủ tục cấp, thu hồi chứng chỉ vô tuyến điện viên, công nhận chứng chỉ vô tuyến điện viên nước ngoài.”.

13. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 42 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Phê duyệt kết quả phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện và quỹ đạo vệ tinh;”;

b) Bổ sung điểm d sau điểm c khoản 2 như sau:

“d) Kiểm tra, thông báo cho Liên minh Viễn thông quốc tế về các đăng ký tần số vô tuyến điện và quỹ đạo vệ tinh của nước ngoài có khả năng ảnh hưởng đến hệ thống vệ tinh của Việt Nam.”;

c) Bổ sung điểm e sau điểm đ khoản 3 như sau:

“e) Kiểm tra, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông kết quả kiểm tra các đăng ký tần số vô tuyến điện và quỹ đạo vệ tinh của nước ngoài được Liên minh Viễn thông quốc tế công bố có khả năng ảnh hưởng đến vệ tinh đã được cấp giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh.”.

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 45, bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 45 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Trường hợp Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có nhu cầu sử dụng tần số vô tuyến điện cho mục đích quốc phòng, an ninh ngoài các tần số vô tuyến điện đã được phân bổ riêng thì Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, xin ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định;”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Trường hợp có tình huống ảnh hưởng trực tiếp đến chủ quyền, an ninh quốc gia:

a) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được phép quyết định việc sử dụng thiết bị vô tuyến điện và việc sử dụng tần số vô tuyến điện ngoài các tần số vô tuyến điện đã được phân bổ cho mục đích quốc phòng, an ninh và thông báo cho Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Tổ chức, cá nhân khác phải ngừng sử dụng nếu có khả năng gây nhiễu có hại cho các thiết bị vô tuyến điện của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cho đến khi kết thúc tình huống quy định tại điểm a khoản này.”;

c) Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 như sau:

“4. Trường hợp đặc biệt, doanh nghiệp quốc phòng, an ninh cần sử dụng tần số vô tuyến điện được phân bổ riêng phục vụ quốc phòng, an ninh để kết hợp phát triển kinh tế phải có phương án sử dụng băng tần báo cáo Bộ Quốc phòng, Bộ Công an xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định theo nguyên tắc phương án sử dụng kết hợp không làm ảnh hưởng đến việc đảm bảo quốc phòng, an ninh và sự cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động viễn thông.”.

15. Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm c khoản 1 Điều 46 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 46 như sau:

“a) Quy định việc quản lý, sử dụng tần số vô tuyến điện được phân bổ phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh bảo đảm sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, đúng mục đích, phù hợp với quy hoạch tần số vô tuyến điện;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 46 như sau:

“c) Cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, Chứng chỉ vô tuyến điện viên trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh; tổ chức thu và nộp ngân sách Nhà nước nguồn thu từ cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của Luật này;”

16. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số cụm từ tại một số điều như sau:

a) Thay thế cụm từ “quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia” bằng cụm từ “quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia” và bổ sung cụm từ “, tránh tích tụ hoặc phân bổ bình quân không phù hợp với sự phát triển của thị trường” sau cụm từ “quốc gia” tại khoản 7 Điều 10;

b) Bổ sung cụm từ “, 20a” vào sau cụm từ “, 20” tại điểm c khoản 2 Điều 22;

c) Thay cụm từ “Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông” bằng cụm từ “Chính phủ” tại khoản 3 Điều 25 và tại khoản 3 Điều 26;

d) Bỏ cụm từ “hoạt động ở cự ly ngắn, có công suất hạn chế,” tại điểm a khoản 1 Điều 27;

đ) Bổ sung cụm từ “và kiểm tra các đăng ký tần số, quỹ đạo vệ tinh của nước ngoài” sau cụm từ “vệ tinh” tại khoản 8 Điều 30;

e) Bổ sung cụm từ “, thiết bị điện, điện tử, thiết bị ứng dụng sóng vô tuyến điện” sau cụm từ “thiết bị vô tuyến điện” tại khoản 3 Điều 39;

g) Thay cụm từ “Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an” bằng cụm từ “Chính phủ” tại khoản 2 Điều 40;

h) Bỏ cụm từ “theo quy định tại Điều 44 của Luật này” tại điểm d khoản 1 Điều 43;

i) Bổ sung cụm từ “trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt” sau cụm từ “sau đây” tại khoản 2 Điều 46.

17. Bãi bỏ khoản 3 Điều 8.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan

1. Bổ sung khoản 228 sau khoản 227 Phụ lục IV Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư như sau:

“Đào tạo, tổ chức thi, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên”.

2. Bổ sung cụm từ “, tần số vô tuyến điện” sau cụm từ “phòng, chống tác hại của rượu, bia” tại khoản 1 Điều 64 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

Điều 4. Quy định chuyển tiếp

1. Tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp giấy phép sử dụng băng tần 880-915 MHz, 925-960 MHz, 1710-1785 MHz, 1805-1880 MHz sẽ được tiếp tục sử dụng hoặc xem xét gia hạn sử dụng đến hết ngày 15 tháng 9 năm 2024 và được miễn trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đến hết ngày 15 tháng 9 năm 2024.

2. Tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp giấy phép sử dụng băng tần trong các băng tần 1920-1980 MHz và 2110-2170 MHz sẽ được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 14 tháng 9 năm 2024 và được miễn trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đến hết ngày 14 tháng 9 năm 2024.

3. Tổ chức đã được cấp giấy phép sử dụng đối với các băng tần 880-915 MHz, 925-960 MHz, 1710-1785 MHz, 1805-1880 MHz, 1920-1980 MHz và 2110-2170 MHz có văn bản đề nghị được xem xét cấp lại giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều 20 a gửi Bộ Thông tin và Truyền thông trước ngày 01 tháng 8 năm 2023.

4. Việc đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên tiếp tục được thực hiện theo quy định của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 đến hết ngày 31/12/2023.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày tháng ... năm 2022.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ